

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hải Dương - Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương là Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3625/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 26/09/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh là: Hai Duong Motor Transport Vehicle Registration Joint Stock Company.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/09/2018 là 61.649.440.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.*)

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên sàn Upcom. Mã cổ phiếu là HTK

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Hoàng Trọng Khuê	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Thành viên
	Ông Trần Văn Phòng	Thành viên
	Ông Lưu Văn Sơn	Thành viên
	Ông Vũ Văn Tuyền	Thành viên
Ban kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên
	Ông Nguyễn Duy Huy	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc
	Ông Vũ Văn Tuyền	Phó Giám đốc
	Ông Hoàng Đình Tuấn	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Hoàng Trọng Khuê
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hải Dương, ngày 08 tháng 3 năm 2021

*Số: 103/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV3***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm 2020
của Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương được lập ngày 08 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature, likely belonging to Lưu Anh Tuấn.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		13.410.583.811	10.749.336.983
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.048.895.044	9.884.217.730
1. Tiền	111		1.993.262.420	1.353.467.311
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.055.632.624	8.530.750.419
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.233.131	107.728.506
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	6.731.520
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	16.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	165.233.131	84.496.986
IV. Hàng tồn kho	140		24.045.455	-
1. Hàng tồn kho	141		24.045.455	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		172.410.181	757.390.747
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	94.577.602	229.344.349
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		428.805	528.046.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.5	77.403.774	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		54.927.227.982	60.186.016.596
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		47.451.855.430	52.217.622.921
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	47.431.749.866	52.190.517.361
- Nguyên giá	222		76.093.236.759	75.008.024.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.661.486.893)	(22.817.507.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	20.105.564	27.105.560
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.894.436)	(7.894.440)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.475.372.552	7.968.393.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.4	7.475.372.552	7.968.393.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		68.337.811.793	70.935.353.579

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.914.918.960	3.311.625.559
I. Nợ ngắn hạn	310		2.914.918.960	3.311.625.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	605.386.077	829.306.556
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.5	294.405.496	369.012.273
3. Phải trả người lao động	314		232.027.492	226.949.574
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	294.613.647	356.770.908
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.488.486.248	1.529.586.248
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		65.422.892.833	67.623.728.020
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	65.422.892.833	67.623.728.020
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.649.440.000	61.649.440.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		61.649.440.000	61.649.440.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		-	(82.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.639.435.414	3.639.435.414
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.017.419	2.417.252.606
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		3.730.558	569.091.195
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		130.286.861	1.848.161.411
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		68.337.811.793	70.935.353.579

Hải Dương, ngày 08 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thị Thùy Dương



Phạm Mạnh Hà



Hoàng Trọng Khuê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.11	13.756.820.151	15.940.391.754
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		13.756.820.151	15.940.391.754
4. Giá vốn hàng bán	11	5.12	8.281.252.607	8.114.685.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.475.567.544	7.825.706.431
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.13	466.618.269	565.305.281
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.14	5.776.539.102	6.108.468.777
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		165.646.711	2.282.542.935
11. Thu nhập khác	31		720.445.388	672.272.955
12. Chi phí khác	32		731.898.755	643.295.301
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.15	(11.453.367)	28.977.654
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		154.193.344	2.311.520.589
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.16	23.906.483	463.359.178
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		130.286.861	1.848.161.411
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17	21	300

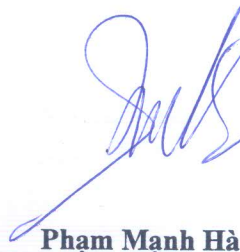
Hải Dương, ngày 08 tháng 3 năm 2021
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Dương



Phạm Mạnh Hà



Hoàng Trọng Khuê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		154.193.344	2.311.520.589
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.850.979.855	5.872.478.834
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(466.618.269)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.538.554.930	8.183.999.423
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		392.709.194	156.948.559
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.045.455)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		42.746.096	(32.150.080.830)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		627.787.870	(2.538.349.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(463.359.178)	(863.454.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.114.393.457	(27.210.936.901)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.085.212.364)	(7.664.179.910)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		466.618.269	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.618.594.095)	(7.664.179.910)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		82.400.000	(82.395.192)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.413.522.048)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.331.122.048)	(82.395.192)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.835.322.686)	(34.957.512.003)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	9.884.217.730	44.841.729.733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	3.048.895.044	9.884.217.730

Hải Dương, ngày 08 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thị Thùy Dương



Phạm Mạnh Hà



Hoàng Trọng Khuê



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương là Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3625/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 26/09/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh là: Hai Duong Motor Transport Vehicle Registration Joint Stock Company.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/09/2018 là 61.649.440.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên sàn Upcom. Mã cổ phiếu là HTK

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương.

Tổng số lao động tại 31/12/2020 là: 35 người (tại 31/12/2019 là 38 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các phương tiện cơ giới giao thông đường bộ
- Dịch vụ tư vấn, thiết kế cải tạo phương tiện cơ giới giao thông đường bộ
- Nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo
- Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị trong khai thác sử dụng, thiết bị nâng, thiết bị gắn phương tiện cơ giới giao thông đường bộ
- Bán bảo hiểm xe cơ giới đường bộ
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác

Hoạt động chính của Công ty: Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các phương tiện cơ giới giao thông đường bộ.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là các phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao

(Số năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	08 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được khấu hao không quá 10 năm.

Công ty đã đánh giá lại giá trị TSCĐ đã hết khấu hao để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, thời điểm trích khấu hao của các TSCĐ được đánh giá lại là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyên thành công ty cổ phần.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 3 năm.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại Trạm Đăng kiểm Ninh Giang và Việt Hòa được phân bổ theo thời gian thuê đất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội và Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một khu vực địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	11.894.862	19.653.627
Tiền gửi ngân hàng	1.981.367.558	1.333.813.684
Các khoản tương đương tiền	1.055.632.624	8.530.750.419
Tổng	3.048.895.044	9.884.217.730

5.2 Đầu tư tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	165.233.131	-	84.496.986	-
Dự thu lãi tiền gửi	164.618.056	-	83.980.886	-
Phải thu ngắn hạn khác	615.075	-	516.100	-
Tổng	165.233.131	-	84.496.986	-

5.4 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	94.577.602	229.344.349
Công cụ dụng cụ	94.577.602	229.344.349
b) Dài hạn	7.475.372.552	7.968.393.675
Công cụ dụng cụ	300.050.108	374.936.475
Chi phí giải phóng mặt bằng (i)	7.175.322.444	7.593.457.200
Tổng	7.569.950.154	8.197.738.024

(i) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất hàng năm của Trạm Đăng kiểm Ninh Giang và Việt Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	-	77.403.774	-	77.403.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp thừa	-	77.403.774	-	77.403.774

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	369.012.273	617.685.320	769.695.871	294.405.496
Thuế giá trị gia tăng	-	541.295.511	290.577.989	250.717.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp	362.048.921	23.906.483	463.359.178	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.862.352	35.706.424	4.815.890	37.752.886
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	9.694.454	3.773.614	5.920.840
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	101.000	3.082.448	3.169.200	14.248

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	61.561.334.288	13.076.743.107	369.947.000	75.008.024.395
Tăng trong năm	-	73.626.000	1.011.586.364	1.085.212.364
Mua trong năm	-	73.626.000	1.011.586.364	1.085.212.364
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	61.561.334.288	13.150.369.107	1.381.533.364	76.093.236.759
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	15.540.079.448	6.935.226.606	342.200.980	22.817.507.034
Tăng trong năm	4.204.084.925	1.569.999.482	69.895.452	5.843.979.859
Khấu hao trong năm	4.204.084.925	1.569.999.482	69.895.452	5.843.979.859
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	19.744.164.373	8.505.226.088	412.096.432	28.661.486.893
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2020	46.021.254.840	6.141.516.501	27.746.020	52.190.517.361
Số dư tại 31/12/2020	41.817.169.915	4.645.143.019	969.436.932	47.431.749.866

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 1.783.459.319 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 1.783.459.319 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	35.000.000	35.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>35.000.000</u>	<u>35.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	7.894.440	7.894.440
Tăng trong năm	6.999.996	6.999.996
Khấu hao trong năm	6.999.996	6.999.996
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>14.894.436</u>	<u>14.894.436</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2020	<u>27.105.560</u>	<u>27.105.560</u>
Số dư tại 31/12/2020	<u>20.105.564</u>	<u>20.105.564</u>

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	605.386.077	605.386.077	829.306.556	829.306.556
Công ty TNHH Xây dựng Việt Thanh	120.998.000	120.998.000	120.998.000	120.998.000
Ban Quản lý dự án giao thông Hải Dương	377.430.000	377.430.000	377.430.000	377.430.000
Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	-	-	133.243.000	133.243.000
Các đối tượng khác (*)	106.958.077	106.958.077	197.635.556	197.635.556
Tổng	<u>605.386.077</u>	<u>605.386.077</u>	<u>829.306.556</u>	<u>829.306.556</u>

(*) Các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	294.613.647	356.770.908
Bảo hiểm xã hội	-	516.100
Bảo hiểm thất nghiệp	4.808	4.808
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	294.608.839	356.250.000
<i>Lệ phí cấp GCN kiểm định</i>	<i>294.608.839</i>	<i>356.250.000</i>
Tổng	294.613.647	356.770.908

5.10 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	61.649.440.000	-	3.639.435.414	569.091.195	65.857.966.609
Tăng trong năm	-	(82.400.000)	-	1.848.161.411	1.765.761.411
Lãi trong năm	-	-	-	1.848.161.411	1.848.161.411
Mua lại cổ phiếu của người lao động	-	(82.400.000)	-	-	(82.400.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	61.649.440.000	(82.400.000)	3.639.435.414	2.417.252.606	67.623.728.020
Số dư tại 01/01/2020	61.649.440.000	(82.400.000)	3.639.435.414	2.417.252.606	67.623.728.020
Tăng trong năm	-	-	-	130.286.861	130.286.861
Lãi trong năm	-	-	-	130.286.861	130.286.861
Giảm trong năm	-	(82.400.000)	-	2.413.522.048	2.331.122.048
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	2.413.522.048	2.413.522.048
Bán cổ phiếu quỹ (iii)	-	(82.400.000)	-	-	(82.400.000)
Số dư tại 31/12/2020	61.649.440.000	-	3.639.435.414	134.017.419	65.422.892.833

(ii) Theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 85 ngày 17/5/2020, Tờ trình số 80 ngày 17/5/2020 về việc thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 và quý 4 năm 2018.

(iii) Theo Nghị quyết số 56/NQ_CTCPĐK ngày 10/3/2020 về việc bán cổ phiếu quỹ cho người lao động trong Công ty CP Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn Nhà nước nắm giữ	30.208.230.000	30.208.230.000
Công ty TNHH Bình Minh EPC	15.837.840.000	15.837.840.000
Cổ đông khác	15.603.370.000	15.603.370.000
Tổng	61.649.440.000	61.649.440.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	61.649.440.000	61.649.440.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	61.649.440.000	61.649.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.413.522.048	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.164.944	6.164.944
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.164.944	6.164.944
Cổ phiếu phổ thông	6.164.944	6.164.944
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.164.944	6.164.944
Cổ phiếu phổ thông	6.164.944	6.164.944
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.639.435.414	3.639.435.414

f. Cổ tức

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 85 ngày 17/05/2020, Tờ trình số 80 ngày 17/05/2020 về việc thông nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 và quý 4 năm 2018, tỷ lệ chi trả cổ tức 3% trên vốn góp, hình thức chi trả bằng tiền là 2.413.522.048 đồng. Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty đã chi trả toàn bộ cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.756.820.151	15.940.391.754
Tổng	13.756.820.151	15.940.391.754

5.12 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn dịch vụ	8.281.252.607	8.114.685.323
Tổng	8.281.252.607	8.114.685.323

5.13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	466.618.269	565.305.281
Tổng	466.618.269	565.305.281

5.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.776.539.102	6.108.468.777
Chi phí nhân viên quản lý	4.225.539.287	4.054.418.095
Chi phí vật liệu quản lý	179.843.498	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	215.963.632	270.115.249
Chi phí khấu hao CCDC, TSCĐ	275.341.441	-
Thuế phí và lệ phí	168.642.474	638.426.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.908.770	619.760.034
Chi phí bằng tiền khác	9.300.000	525.748.829

5.15 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Hỗ trợ thu lệ phí cấp giấy chứng nhận	720.000.000	639.999.999
An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường		
Thu nhập khác	445.388	32.272.956
Tổng	720.445.388	672.272.955
Chi phí khác		
Chi phí thu lệ phí cấp giấy chứng nhận	715.331.400	639.999.999
An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường		
Chi phí khác	16.567.355	3.295.302
Tổng	731.898.755	643.295.301
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(11.453.367)	28.977.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	154.193.344	2.311.520.589
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng	16.567.247	5.275.302
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	<i>16.567.247</i>	<i>5.275.302</i>
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	170.760.591	2.316.795.891
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập chịu thuế	170.760.591	
Thu nhập chịu thuế	170.760.591	2.316.795.891
Thuế suất hiện hành		
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.152.118	463.359.178
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	34.152.118	463.359.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (iv)	(10.245.635)	-
Tổng	23.906.483	463.359.178

(iv) Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội và Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

5.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	130.286.861	1.848.161.411
Các khoản điều chỉnh:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	130.286.861	1.848.161.411
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	6.164.944	6.164.944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21	300

Tại ngày lập BCTC này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 có thể được phân bổ cho quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

D.N: 010
**CÔNG T
 TNHH
 KIỂM TỐ
 CPA VIETI
 HÃNG**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	516.258.300	-
Chi phí nhân công	6.810.702.310	6.296.624.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.850.979.855	5.865.478.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	870.551.244	1.528.301.853
Chi phí khác bằng tiền	9.300.000	525.748.829
Tổng	14.057.791.709	14.216.154.104

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thù lao, thu nhập	1.332.921.600	1.002.121.406

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà

Hải Dương, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hoàng Trọng Khuê